

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 -3-2020

V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Trường.

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm X, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 10, xã C, huyện A, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã C, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/1993. Vợ chồng sống với nhau đến năm 2003 thì anh Th nghiện ma túy, phạm tội bị bắt phải chấp hành hình phạt tù; đến năm 2019, anh Th chấp hành chấp hành xong hình phạt tù. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Th, vợ chồng không hàn gắn được hạnh phúc nên nguyện vọng của chị xin

được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn V, sinh ngày 13/01/2000 và Bùi Thị V1, sinh ngày 10/8/2002. Cháu V đã trưởng thành tự lập được, cháu V1 còn đang đi học. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cháu V1, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Bùi Văn Th: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th nhưng anh Th không trực tiếp trình bày quan điểm và không chấp hành việc triệu tập của Tòa án .

Kết quả thu thập chứng cứ tại xã C thấy: Đương sự trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung và các vấn đề liên quan là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn Th, giao chị N nuôi con chung chưa thành niên là cháu Bùi Thị V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị N có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, có căn cứ và đủ điều kiện xét xử vắng mặt cả hai đương sự như quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn Th kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh Th không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài. Chị N xin ly hôn, anh Th không đến Tòa án và không hợp tác hòa giải, giải quyết. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị N đối với anh Bùi Văn Th phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Xét điều kiện nuôi con, trên cơ sở nguyện vọng của con chung và của các đương sự; giao chị Vũ Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi cháu là Bùi Thị V1, sinh ngày 10/8/2002. Anh Bùi Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị N là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn Th.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Vũ Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Bùi Thị V1, sinh ngày 10/8/2002; anh Bùi Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; ghi nhận việc chị Vũ Thị N không yêu cầu anh Bùi Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001181 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Vũ Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã C: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên